

Bản án số: **03/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 04-01-2024
“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm và Ông Nguyễn Tiến Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhật Hạ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số A T, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1994; trú tại: D B, F, M, USA. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần M, sinh năm 1993; trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác thì chị Trần Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Minh Y nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/7/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị T làm ăn ở nước ngoài, vợ chồng không còn tin tưởng, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị T

thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể đoàn tụ để chung sống hạnh phúc được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị Trần Thị T khai giữa chị và anh Trần M có 01 con chung là Trần Tuệ A, sinh ngày 13/02/2023. Hiện tại, cháu A do chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quá trình hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn. Hiện tại, anh M và chị T không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Với yêu cầu xin ly hôn của chị T, thì anh M cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Trần M khai giữa anh và chị Trần Thị T có 01 con chung là Trần Tuệ A, sinh ngày 13/02/2023. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần M khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần M.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giao cháu Trần Tuệ A, sinh ngày 13/02/2023 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trần M nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Chị Trần Thị T hiện trú tại Hoa Kỳ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị T và anh Trần M đều có đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện được ý chí của chị T, anh M về việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt chị Trần Thị T và anh Trần M theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị T và anh Trần M kết hôn hợp pháp được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/7/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T làm ăn xa, vợ chồng không tin tưởng nhau. Chị T và anh M đều cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét trong điều kiện hiện nay, chị T và anh M mỗi người sống một nơi, khả năng vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin mly hôn, anh M cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trần M có 01 (một) con chung là Trần Tuệ A, sinh ngày 13/02/2023. Nay ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, cháu A đang sống cùng chị T, việc chị T có nguyện vọng nuôi con khi ly hôn thì anh M cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận giao cháu Trần Tuệ A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh Trần M không phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Trần M đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; khoản 2 Điều 123; Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần M.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tuệ A, sinh ngày 13/02/2023 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Trần M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Trần M đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 0000019 ngày 16/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày và chị Trần Thị T ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT-Huế;
- UBND huyện Quảng Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hưng Bính

